

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/HSST

Ngày: 13/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P – GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà *Võ Thị Thanh Thúy*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Doãn Thị Lệ* – Cán bộ hưu trí phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2. Ông *Gát* – Cán bộ Đoàn phường TL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Mai Hải* - Cán bộ tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà *Đinh Thị Hoài Phương* - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường tổ dân phố 13, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

ĐẶNG THÀNH Q (Tên gọi khác: Chó), sinh năm 1998 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Tổ 08, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Tổ 03, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Đặng Thành T, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 05/3/2017, đầu thú và bị tạm giữ. Ngày 08/3/2017 bị khởi tố. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Anh *Phạm Văn T*, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 5, xã IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Có mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà *Nguyễn Thị Q*, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 5, xã IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2/ Ông *Phạm Văn TH*, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 5, xã IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3/ Bà **Trần Thị Ngọc X**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 3, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NHÂN THẤY:

Bị cáo Đặng Thành Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Phạm Văn T và Đặng Thành Q có biết nhau thông qua mạng xã hội.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2016, Q nhờ TA (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô biển số 88F8 – 8560 chở Q cầm theo lồng chim khướu của Q đến tiệm sửa xe máy TR của anh Nguyễn Thành TR tại số 440 đường T thuộc tổ 12, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai để bán cho anh TR. TA đồng ý và nói Q cầm theo 01 kiếm tự chế dài khoảng 70cm, cán bằng gỗ, lưỡi làm bằng lưỡi cưa lóc đang cất giấu tại nhà Q mà TA đã mượn trước đó của Nguyễn Thế V (Hiện đã đi khỏi nơi cư trú) để trả cho V. Sau đó Q giấu kiếm tự chế vào ống tay áo phải rồi cầm lồng chim và ngồi lên xe mô tô để TA chở đi. Khi đến nơi, thấy anh TR đang sửa xe cho khách nên Q treo lồng chim trước tiệm rồi ngồi chơi, còn TA nằm nghỉ trên võng. Vừa ngồi được một lúc thì Q nhìn ra ngoài đường và phát hiện thấy anh T đang điều khiển xe mô tô biển số 81V1 – 084.30 lưu thông trên đường T hướng từ Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Gia Lai đi xã IS, huyện IG, tỉnh Gia Lai, cách vị trí của Q khoảng 30 đến 40 mét. Lúc này, Q nhớ lại khi gặp anh T trên đường TO thuộc phường IK, thành phố P vào khoảng cuối tháng 9/2016, anh T giơ tay lên để chào Q. Bực tức vì nghĩ anh T trước đây chào đều mình, Q liền cầm kiếm tự chế chạy ra đường T chặn xe của anh T lại và nói: “*Hôm bữa mày chào đều tao hả*”, anh T trả lời: “*Không có, anh em mình quen biết nhau chào thôi mà*” thì Q nói: “*Mày chào vậy mà không chào đều hả*”. Vừa nói xong, Q liền cầm kiếm tự chế bằng hai tay rồi vung lên chém xuống 01 nhát vào tay phải của anh T, nhưng anh T kịp thời rút tay lại, nên trúng vào nắm tay cầm lái bằng cao su bên phải của xe mô tô biển số 81V1 – 084.30, làm nắm tay cầm này rơi xuống đất. Tiếp đó, Q dùng kiếm tự chế chém tiếp nhát thứ hai theo hướng từ trên xuống thì anh T đưa tay phải lên đỡ, làm bàn tay phải của anh T bị thương và chảy máu. Thấy vậy, Q nói với anh T: “*Tao hô từ một đến ba, mày không đi tao chém chết mẹ mày*” với mục đích để anh T sợ và bỏ chạy. Anh T điều khiển xe chạy một đoạn thì thấy bàn tay bị chảy nhiều máu nên dừng lại và nhờ người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa thành phố P cấp cứu, nhưng do vết thương quá nặng nên anh T được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai. Sau khi chém anh T, Q cầm kiếm tự chế đi vào tiệm sửa xe của anh TR thì TA nhìn thấy và nói: “*Thôi chết rồi bạn ơi, để mình lái xe chở bạn đi*”, rồi TA điều khiển xe mô tô biển số 88F8 – 8560 chở Q cầm theo kiếm tự chế đến nhà của Nguyễn Thế V tại số 125 đường HBT, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Lúc này, V không có ở nhà, Q tự đi vào nhà rửa máu dính trên kiếm và mang kiếm này giấu vào bụi cây sau vườn, rồi cùng TA đi chơi điện tử. Anh Phạm Văn T điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai đến ngày 17/10/2016 thì xuất viện. Đối với Đặng Thành Q sau đó bỏ trốn, đến ngày 05/3/2017 thì Đặng Thành Q ra đầu thú.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 276/TTPY ngày 05/12/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận thương tích của bị hại Phạm Văn T như sau:

“Một sẹo vết thương phần mềm vòng cung mặt lưng xương bàn III vòng qua kẽ ngón III, IV xuống đến mặt lòng bàn tay phải kích thước 9cm x 0,3cm, sẹo liền: 03% (M1.1 – T63)

Mỏm cụt đốt 02 ngón IV bàn tay phải liền tốt: 02% (M5.4.4-T51)

Gãy xương bàn III tay phải đã xuyên đỉnh cổ định (còn dụng cụ kết hợp xương): 08% (MIII.4.1 – T48)

Gãy đốt giữa ngón II bàn tay phải đã xuyên đỉnh cổ định (còn dụng cụ kết hợp xương): 01% (M7.3 – T52)

Đứt gân gấp duỗi ngón III, gân duỗi ngón V bàn tay phải đã phẫu thuật khâu nối ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ nhiều: 05% (M5.4 – T49)

Ngón III bàn tay phải cứng các khớp liên đốt: 08% (M5.3.3 – T51)

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24% (Hai mươi bốn phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng lùi theo Thông tư 20/2014/BYT”

Tại bản cáo trạng số 111/CTr - VKS ngày 07/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Đặng Thành Q về tội **“Cố ý gây thương tích”** theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thành Q từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại hồ sơ, nội dung bản cáo trạng cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định như sau:

Cho rằng anh Phạm Văn T đã có hành vi chào đầu mình, vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2016, tại đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo Đặng Thành Q đã dùng kiếm tự chế chém 02 nhát, một nhát trúng vào tay lái bằng cao su bên phải xe mô tô biển số 81V1 – 084.30 mà anh T đang điều khiển và một nhát trúng vào bàn tay phải của anh T gây tổn hại sức khỏe 24%.

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm được ghi nhận trong hiến pháp và được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Giữa bị cáo Đặng Thành Q và bị hại Phạm Văn T không có mâu thuẫn, bị cáo tự nhận định hành vi chào của anh T là chào đầu mình từ đó vô cớ dùng kiếm tự chế là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại Phạm Văn T với tỷ lệ thương tật là 24% đã phạm vào 02 tình tiết định khung là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Thành Q phạm tội **“Cố ý gây thương tích”** theo khoản 2 Điều 104

Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Hành vi của bị cáo Đặng Thành Q là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng không kiềm chế bản thân, điều chỉnh cách xử sự dẫn đến hành vi phạm tội. Vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cảnh tỉnh đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra cơ quan pháp luật đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với TA là người đã chở bị cáo Đặng Thành Q đến nhà Nguyễn Thế V để Q cất giấu hung khí sau khi Q gây thương tích cho bị hại Phạm Văn T, quá trình điều tra bị cáo không biết rõ nhân thân lai lịch của TA; đối với Nguyễn Thế V, là người đã cho TA mượn kiếm tự chế, sau đó Q sử dụng kiếm này để gây thương tích cho bị hại T, nhưng Cơ quan điều tra chưa làm việc được với V vì V đã đi khỏi địa phương. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Phạm Văn T yêu cầu bị cáo Đặng Thành Q bồi thường với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, cụ thể:

- Tiền thuốc men trong quá trình điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai là 10.000.000 đồng, tiền thuốc và chi phí chữa trị mở tháo đinh tại bệnh viện chấn thương chỉnh hình tại Thành phố Hồ Chí Minh là 12.000.000 đồng. Trong đó có hóa đơn chứng từ là 10.599.500 đồng.

- Chi phí ăn uống bồi dưỡng cho bị hại T và tiền chăm sóc của mẹ trong thời gian điều trị là 150.000 đồng/ 2 người x 15 ngày = 4.500.000 đồng.

- Thu nhập bị mất của bị hại T: 150.000 đồng x 30 ngày = 4.500.000 đồng

- Thu nhập bị mất của người chăm sóc là 200.000 đồng x 22 ngày = 4.400.000 đồng

- Chi phí mổ nối gân tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh là 30.000.000 đồng

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu bồi thường, bị hại T yêu cầu bị cáo Đặng Thành Q bồi thường cho tất cả các khoản chi phí chữa trị, mất thu nhập và tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng. Bị cáo Đặng Thành Q chấp nhận bồi thường cho bị hại Phạm Văn T theo toàn bộ yêu cầu của bị hại T là 30.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Thành Q và bị hại Phạm Văn T. Bị cáo Đặng Thành Q có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Phạm Văn T tổng chi phí chữa trị, thu nhập thực tế bị mất và bao gồm cả tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng

Ông Phạm Văn TH không yêu cầu bồi thường đối với miếng lót cao su ở tay cầm lái bên phải của xe mô tô biển số 81V1 – 084.30 mà Đặng Thành Q đã chém đứt nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

*** Về vật chứng vụ án:**

Đối với hung khí mà bị cáo Đặng Thành Q đã sử dụng để chém gây thương tích cho bị hại Phạm Văn T, sau đó Q giấu vào bụi cây sau vườn nhà của Nguyễn Thế V tại số 125 đường HBT, tổ 9, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 88F8 – 8560, qua điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của bà Trần Thị Ngọc X (Mẹ của bị cáo Q). Việc Q sử dụng chiếc xe mô tô này sau đó thực hiện hành vi phạm tội thì bà X không biết nên không có cơ sở thu giữ chiếc xe mô tô này.

Đối với 01 tay cầm của tay lái màu đen, cam diện (12 x 03)cm và 01 đầu nắm tay cầm bằng kim loại có đường kính 03cm của xe mô tô biển số 81V1 – 084.30 thu giữ tại hiện trường, ông Phạm Văn TH không có yêu cầu nhận lại và xét các tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

*** Về án phí:**

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí về phần bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thành Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng khoản 2 Điều 104, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Thành Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 05/3/2017.

- Căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Thành Q và bị hại Phạm Văn T về phần bồi thường dân sự, bị cáo Đặng Thành Q bồi thường cho bị hại Phạm Văn T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 tay cầm của tay lái màu đen - Cam diện (12 x 03)cm và 01 đầu nắm tay cầm xe mô tô bằng kim loại có đường kính 03cm

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thành phố P và Chi cục Thi hành án Thành phố P)

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Xử buộc bị cáo Đặng Thành Q phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Xử buộc bị cáo Đặng Thành Q phải chịu 1.500.000 đồng án phí về phần bồi thường dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo Đặng Thành Q, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP P;
- Công an TP P;
- Thi hành án DS TP P;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa